

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UY
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Than UY, ngày 06 tháng 9 năm 2017

Số: 45/2017/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2017/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 về việc: Xin ly hôn giữa anh Vàng Văn N - sinh năm: 1984 và chị Tòng Thị Y (Tên gọi khác: Vàng Thị Y) - sinh năm: 1984; Đều có địa chỉ: Bản Kẽm Quang, xã Mường Mít, huyện Than UY, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 115, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 (về án phí, lệ phí Tòa án);

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Vàng Văn N và chị Tòng Thị Y.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 - Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Vàng Văn N và chị Tòng Thị Y

2.2 - Về quan hệ con chung:

Chị Tòng Thị Y có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Vàng Thị Thùy T, sinh ngày 14/6/2007 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Vàng Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là: 1.000.000 (Một triệu) đồng trên tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01 tháng 9 năm 2017. Phương thức cấp dưỡng vào ngày 30 hàng tháng.

Chị Y có quyền yêu cầu anh N cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

c - Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

d - Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

e - Về án phí: Anh Vàng Văn N và chị Tòng Thị Y mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh N phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm lăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng. Anh N nhận nộp thay toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của chị Y. Xác nhận anh Vàng Văn N đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0002744 ngày 17/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than UY, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TA tỉnh;
- VKS huyện TU;
- THA huyện TU;
- UBND xã Mường Mít;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương